

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~7042~~ /QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ~~21~~ tháng ~~10~~ năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Luật sư ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư;

Căn cứ Nghị định số 137/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư;

Căn cứ Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tư pháp quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Công văn số 13338/STP-TC ngày 14 tháng 10 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư cho **04** cá nhân (theo danh sách đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Ban Chủ nhiệm Đoàn Luật sư Thành phố và các cá nhân có tên trong danh sách nêu tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp - Cục BTTP;
- TTUB: CT, PCT/NC;
- Liên đoàn Luật sư Việt Nam;
- Sở Tư pháp;
- VPUB: PCVP/NC;
- Lưu: VT, P.NCPC (Kh).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH


Trần Văn Bảy

DANH SÁCH CÁ NHÂN ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ

Kiểm tra Quyết định số **7042** /QĐ-UBND ngày **21** tháng **10** năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh



STT	Họ và tên	Giới tính		Ngày, tháng, năm sinh			Địa chỉ thường trú	Số Chứng chỉ hành nghề luật sư
		Nam	Nữ	Ngày	Tháng	Năm		
1	Chu Thị Huyền		x	18	11	1996	Thôn Tân Kỳ, xã Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	79.2026.1674/TP/LS-CCHN
2	Bùi Thị Tú Trinh		x	14	01	1981	68 Lý Thường Kiệt, phường Hạnh Thông, Thành phố Hồ Chí Minh	79.2026.1675/TP/LS-CCHN
3	Phạm Thị Trà My		x	05	8	1999	Thôn Huê Đông, xã Đại Lai, Thành phố Bắc Ninh	79.2026.1676/TP/LS-CCHN
4	Lê Thị Mỹ Duyên		x	04	12	1995	D1-10 KDC Thường Thạnh, KV Thường Thạnh, phường Cái Răng, Thành phố Cần Thơ	79.2026.1677/TP/LS-CCHN

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~7027~~ /QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ~~21~~ tháng ~~10~~ năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Luật sư ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư;

Căn cứ Nghị định số 137/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư;

Căn cứ Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tư pháp quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Công văn số 13032/STP-TC ngày 07 tháng 10 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư cho **02** cá nhân (theo danh sách đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Ban Chủ nhiệm Đoàn Luật sư Thành phố và các cá nhân có tên trong danh sách nêu tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp - Cục BTTP;
- TTUB: CT, PCT/NC;
- Liên đoàn Luật sư Việt Nam;
- Sở Tư pháp;
- VPUB: PCVP/NC;
- Lưu: VT, P.NCPC (Kh).

06

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH


Trần Văn Bảy

DANH SÁCH CÁ NHÂN ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ

Quyết định số **7037/QĐ-UBND** ngày **21** tháng **10** năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh



Họ và tên	Giới tính		Ngày, tháng, năm sinh			Địa chỉ thường trú	Số Chứng chỉ hành nghề luật sư
	Nam	Nữ	Ngày	Tháng	Năm		
1 Phạm Diên Thanh	x		24	3	1990	Số 2/11 Võ Tấn Đồ, Khu phố An Bình 2, phường Long An, tỉnh Tây Ninh	79.2026.1671/TP/LS-CCHN
2 Nguyễn Ngô Vĩnh Khang	x		18	9	2001	Ấp Tân Ninh, xã Nhơn Ninh, tỉnh Tây Ninh	79.2026.1672/TP/LS-CCHN

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~7039~~ /QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ~~21~~ tháng ~~10~~ năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Luật sư ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư;

Căn cứ Nghị định số 137/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư;

Căn cứ Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tư pháp quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Sở Tư pháp tại Công văn số 13031/STP-TC ngày 07 tháng 10 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư số 79.2026.1670/TP/LS-CCHN cho ông Nguyễn Thuận, sinh ngày 16 tháng 12 năm 1964.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Ban Chủ nhiệm Đoàn Luật sư Thành phố và ông Nguyễn Thuận chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp - Cục BTTP;
- TTUB: CT, PCT/NC;
- Liên đoàn Luật sư Việt Nam;
- Sở Tư pháp;
- VPUB: PCVP/NC;
- Lưu: VT, P.NCPC (Kh). 05

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn bầy

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **6823** /QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **15** tháng **10** năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Luật sư ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư;

Căn cứ Nghị định số 137/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư;

Căn cứ Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tư pháp quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Công văn số 12788/STP-TC ngày 02 tháng 10 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư cho **15** cá nhân (theo danh sách đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Ban Chủ nhiệm Đoàn Luật sư Thành phố và các cá nhân có tên trong danh sách nêu tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp - Cục BTTP;
- TTUB: CT, PCT/NC;
- Liên đoàn Luật sư Việt Nam;
- Sở Tư pháp;
- VPUB: PCVP/NC;
- Lưu: VT, P.NCPC (Kh). **19**

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Bảy

DANH SÁCH CÁ NHÂN ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ

 *Kiểm theo Quyết định số 6823 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh*

STT	Họ và tên	Giới tính		Ngày, tháng, năm sinh			Địa chỉ thường trú	Số Chứng chỉ hành nghề luật sư
		Nam	Nữ	Ngày	Tháng	Năm		
1	Trần Hoàng Phong	x		19	9	2000	Tổ 16, ấp An Hòa, xã Khánh Bình, tỉnh An Giang	79.2026.1655/TP/LS-CCHN
2	Nguyễn Thanh Tâm	x		25	7	1975	82/4 ấp Long Thành, xã Hiệp Phước, Thành phố Hồ Chí Minh	79.2026.1656/TP/LS-CCHN
3	Bùi Trí Thức	x		05	10	1992	Số 7, Thôn 6, xã Gia Hiệp, tỉnh Lâm Đồng	79.2026.1657/TP/LS-CCHN
4	Nguyễn Thị Kiều Oanh		x	13	5	1997	Tổ 3, Phường 2 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng	79.2026.1658/TP/LS-CCHN
5	Dương Thị Hồng Hào		x	08	7	1995	Đội 7 An Lợi, xã Tuy Phước Đông, tỉnh Gia Lai	79.2026.1659/TP/LS-CCHN
6	Nguyễn Thị Phương Thủy		x	19	5	1986	A811 Chung cư Saigonres 188 Nguyễn Xi, phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	79.2026.1660/TP/LS-CCHN
7	Hoàng Văn Hải	x		26	8	1986	Thôn Bãi Dô, xã Đại Xuyên, thành phố Hà Nội	79.2026.1661/TP/LS-CCHN

STT	Họ và tên	Giới tính		Ngày, tháng, năm sinh			Địa chỉ thường trú	Số Chứng chỉ hành nghề luật sư
		Nam	Nữ	Ngày	Tháng	Năm		
8	Huỳnh Thị Kim Chi		x	05	01	1991	Tổ 13, ấp Phú Lợi, xã Phú Lâm, tỉnh An Giang	79.2026.1662/TP/L.S-CCHN
9	Nguyễn Thị Mỹ Duyên		x	04	4	2000	Tổ 1, Thôn Trà Châu, xã Duy Xuyên, thành phố Đà Nẵng	79.2026.1663/TP/L.S-CCHN
10	Nguyễn Lê Nam Phương		x	17	10	1997	Thôn Thượng Hậu, xã Quảng Ninh, tỉnh Quảng Trị	79.2026.1664/TP/L.S-CCHN
11	Phạm Ngọc Sơn	x		30	6	1996	Thôn Trung Nghĩa 1, phường Đồng Sơn, tỉnh Quảng Trị	79.2026.1665/TP/L.S-CCHN
12	Lương Thị Trúc Linh		x	01	7	1998	632B/32 Bình Khánh 4, phường Bình Đức, tỉnh An Giang	79.2026.1666/TP/L.S-CCHN
13	Phan Thị Ngọc Yên		x	24	9	1997	Tổ 1, Khu phố Tân Trà 2, phường Bình Phước, thành phố Đồng Nai	79.2026.1667/TP/L.S-CCHN
14	Nguyễn Việt Thành	x		19	5	1996	Khu dân cư số 5, đặc khu Côn Đảo, Thành phố Hồ Chí Minh	79.2026.1668/TP/L.S-CCHN
15	Chiêu Mỹ Vy		x	02	7	1993	Số nhà 320D, khu phố Mỹ Tân, phường Bến Tre, tỉnh Vĩnh Long	79.2026.1669/TP/L.S-CCHN